

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn, quy trình xây dựng chương trình giáo dục phổ thông;
tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định
chương trình giáo dục phổ thông**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2017/TT-BGDĐT
ngày tháng năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định tiêu chuẩn, quy trình xây dựng chương trình giáo dục phổ thông; nhiệm vụ, quyền hạn, phương thức hoạt động, tiêu chuẩn, số lượng và cơ cấu thành viên của Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định).

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, các Hội đồng thẩm định và tổ chức, cá nhân liên quan.

Điều 2. Chương trình giáo dục phổ thông

1. *Chương trình giáo dục phổ thông*: là văn bản của Nhà nước thể hiện mục tiêu giáo dục phổ thông; quy định yêu cầu cần đạt đối với học sinh, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục phổ thông, phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục các môn học và hoạt động giáo dục (sau đây gọi chung là môn học) ở mỗi lớp, mỗi cấp học của giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là chương trình) bao gồm chương trình tổng thể và các chương trình môn học.

2. *Chương trình tổng thể*: là khung chương trình giáo dục phổ thông, quy định những vấn đề chung của giáo dục phổ thông, bao gồm: quan điểm xây dựng chương trình; mục tiêu chương trình; mục tiêu chương trình của từng cấp học; yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh cuối mỗi cấp học; các lĩnh vực giáo dục; hệ thống môn học; thời lượng của từng môn học; định hướng nội dung giáo dục bắt buộc ở từng lĩnh vực giáo dục và môn học ở từng cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc; định hướng về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục và cách thức đánh giá kết quả giáo dục của từng môn học; điều kiện khung tối thiểu của nhà trường để thực hiện được chương trình.

3. *Chương trình môn học*: là các bộ phận trong chương trình giáo dục phổ thông xác định vị trí, vai trò môn học trong thực hiện mục tiêu chương

trình; mục tiêu và yêu cầu cần đạt của môn học ở mỗi lớp hoặc cấp học; nội dung giáo dục cốt lõi ở từng cấp học đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc; kế hoạch dạy học môn học ở mỗi lớp và mỗi cấp học; định hướng phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, cách thức đánh giá kết quả giáo dục học sinh trong môn học.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng chương trình

1. Quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và tuân thủ Hiến pháp, pháp luật; bảo đảm tính đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục của chương trình mới.

2. Bảo đảm tính tiếp nối, liên thông giữa các cấp học, lớp học, môn học.

3. Bảo đảm yêu cầu tinh giản, thiết thực, cập nhật với xu thế giáo dục hiện đại trên thế giới; gắn với chương trình bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường.

4. Kế thừa ưu điểm của chương trình hiện hành đồng thời tham khảo tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục phát triển; đáp ứng yêu cầu chủ động hội nhập quốc tế.

5. Xây dựng một chương trình thống nhất, trong đó quy định những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh sau mỗi cấp học, nội dung và thời lượng giáo dục bắt buộc đối với tất cả học sinh trên phạm vi toàn quốc, đồng thời dành thời lượng để Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương biên soạn bổ sung những nội dung về đặc điểm lịch sử, văn hóa và kinh tế - xã hội của địa phương; cơ sở giáo dục chủ động vận dụng để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường.

Chương II

TIÊU CHUẨN, QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 4. Tiêu chuẩn chương trình tổng thể

Tiêu chuẩn chương trình tổng thể gồm các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí 1: Nội dung không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và không có những định kiến xã hội về giới, sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, tuổi, địa vị.

2. Tiêu chí 2: Quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông, mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông, mục tiêu chương trình của từng cấp học tuân thủ Luật Giáo dục và quán triệt các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

3. Tiêu chí 3: Yêu cầu cần đạt về những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh cuối mỗi cấp học cụ thể hóa được mục tiêu chương trình

của từng cấp học, bảo đảm tính khoa học, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lí của học sinh và điều kiện thực tiễn trường phổ thông.

4. Tiêu chí 4: Hệ thống môn học được xây dựng đáp ứng mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông và mục tiêu chương trình từng cấp học; bảo đảm tính chỉnh thể, thống nhất từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông, tích hợp mạnh ở các cấp học dưới và phân hóa dần ở cấp học trên.

5. Tiêu chí 5: Các chương trình môn học giai đoạn giáo dục cơ bản (tiểu học và trung học cơ sở) bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng; giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (trung học phổ thông) bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho học sinh có khả năng tham gia thị trường lao động hoặc học sau phổ thông.

6. Tiêu chí 6: Có quy định điều kiện khung tối thiểu bảo đảm thực hiện được chương trình của trường phổ thông về tổ chức và quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; công tác xã hội hóa giáo dục.

7. Tiêu chí 7: Có quy định về phát triển chương trình thông qua việc xây dựng kế hoạch giáo dục của trường phổ thông; đánh giá và chỉnh sửa chương trình trong quá trình triển khai thực hiện.

8. Tiêu chí 8: Các thuật ngữ chính được giải thích; thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản bảo đảm quy định hiện hành.

Điều 5. Tiêu chuẩn chương trình môn học

Tiêu chuẩn chương trình môn học gồm các tiêu chí sau:

1. Tiêu chí 1: Nội dung không trái với quy định của pháp luật Việt Nam và không có những định kiến xã hội về giới, sắc tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, tuổi, địa vị.

2. Tiêu chí 2: Mục tiêu của chương trình môn học cụ thể hóa được mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với đặc thù môn học; xác định được yêu cầu về các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi, năng lực đặc thù môn học mà học sinh cần đạt được cuối mỗi cấp học.

3. Tiêu chí 3: Yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng của chương trình môn học phản ánh được yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh ở mỗi cấp học; tạo cơ hội phát triển các phẩm chất và năng lực đặc thù môn học; là cơ sở đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

4. Tiêu chí 4: Nội dung giáo dục bắt buộc, kế hoạch dạy học được quy định cho từng cấp học, định hướng cho từng lớp đáp ứng mục tiêu chương trình môn học; bảo đảm cơ bản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp của học sinh.

5. Tiêu chí 5: Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, cách thức đánh giá kiến thức, kỹ năng và năng lực học sinh, phương tiện dạy học được định hướng,

giải thích, hướng dẫn, minh họa nhằm hỗ trợ hoạt động dạy, hoạt động học theo định hướng hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh.

6. Tiêu chí 6: Các thuật ngữ chính được giải thích; thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản bảo đảm quy định hiện hành.

Điều 6. Quy trình xây dựng chương trình

1. Xây dựng chương trình tổng thể

- a) Dự thảo chương trình tổng thể;
- b) Lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo chương trình tổng thể;
- c) Tiếp thu ý kiến đóng góp, chỉnh sửa dự thảo chương trình tổng thể;
- d) Thẩm định lần 1 chương trình tổng thể;
- đ) Hoàn thiện chương trình tổng thể làm căn cứ xây dựng các chương trình môn học.

2. Xây dựng các chương trình môn học

- a) Dự thảo các chương trình môn học;
- b) Đối chiếu các dự thảo chương trình môn học ở các lớp, các cấp học;
- c) Lấy ý kiến đóng góp cho từng dự thảo chương trình môn học;
- d) Tiếp thu ý kiến đóng góp, chỉnh sửa dự thảo các chương trình môn học;
- đ) Thẩm định lần 1 các chương trình môn học.

3. Thực nghiệm chương trình tổng thể và các chương trình môn học trong quá trình thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Thẩm định lần 2 chương trình tổng thể và các chương trình môn học.

5. Phê duyệt ban hành chương trình tổng thể và các chương trình môn học.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, TIÊU CHUẨN, SỐ LƯỢNG VÀ CƠ CẤU THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Điều 7. Tổ chức của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định phải đảm bảo đủ cơ cấu các thành viên tham gia là cán bộ nghiên cứu, chuyên gia giáo dục, giáo viên đang trực tiếp dạy học tại các cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên của các cơ sở đào tạo sư phạm. Hội đồng thẩm định phải đảm bảo có ít nhất 30% tổng số thành viên là giáo viên đang trực tiếp dạy học tại các cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Hội đồng thẩm định gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên.

Điều 8. Thành lập Hội đồng thẩm định

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập một Hội đồng thẩm định chương trình tổng thể và các Hội đồng thẩm định chương trình môn học.

Điều 9. Nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng thẩm định

1. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định

a) Hội đồng thẩm định chương trình tổng thể thẩm định chương trình tổng thể, Hội đồng thẩm định chương trình môn học thẩm định chương trình của một môn học của các lớp ở các cấp học;

b) Hội đồng thẩm định kiến nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt hoặc không phê duyệt bản thảo chương trình.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng thẩm định

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động của Hội đồng thẩm định, những ý kiến nhận xét, đánh giá, kết quả thẩm định;

b) Lập và thực hiện kế hoạch làm việc của Hội đồng thẩm định theo đúng tiến độ quy định;

c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng thẩm định;

d) Điều hành các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; chủ trì thông qua biên bản làm việc sau mỗi phiên họp của Hội đồng thẩm định;

đ) Chịu trách nhiệm liên hệ công tác với đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định;

e) Kiến nghị thay đổi các thành viên của Hội đồng thẩm định nếu trong quá trình làm việc có các thành viên không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

g) Ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định một số nội dung công việc cụ thể. Nội dung ủy quyền được thể hiện bằng văn bản và được lưu trong hồ sơ làm việc của Hội đồng thẩm định;

h) Báo cáo và phối hợp với đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định để xử lý các trường hợp phát sinh tình huống bất thường trong quá trình thẩm định.

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng thẩm định phải thực hiện trách nhiệm và quyền hạn như Ủy viên Hội đồng thẩm định.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn như Ủy viên Hội đồng thẩm định, Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định chịu trách nhiệm về các nội dung công việc do Chủ tịch Hội đồng thẩm định giao hoặc ủy quyền.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Thư ký Hội đồng thẩm định

a) Giúp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và tổ chức các phiên họp của Hội đồng thẩm định;

b) Lập biên bản, báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị trong các phiên họp của Hội đồng thẩm định; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực về nội dung biên bản các cuộc họp của Hội đồng thẩm định;

c) Trong thời hạn không quá 5 (năm) ngày làm việc sau khi Hội đồng thẩm định có báo cáo kết luận, Thư ký Hội đồng thẩm định phải tập hợp và chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan cho đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định giao.

Ngoài trách nhiệm và quyền hạn quy định khoản 4 Điều này, Thư ký Hội đồng thẩm định phải thực hiện trách nhiệm và quyền hạn như Ủy viên Hội đồng thẩm định.

5. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy viên Hội đồng thẩm định

a) Được quyền yêu cầu cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan để phục vụ công tác thẩm định;

b) Nghiên cứu bản thảo chương trình, các tài liệu liên quan do đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định cung cấp;

c) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định; viết đánh giá, nhận xét về bản thảo chương trình tổng thể hoặc bản thảo chương trình môn học (sau đây gọi chung là bản thảo) theo các mẫu quy định của Hội đồng thẩm định;

c) Chịu trách nhiệm cá nhân về các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với việc thẩm định chương trình và các nội dung công việc được phân công trong quá trình thẩm định;

d) Được quyền bảo lưu các ý kiến cá nhân; được gửi các ý kiến cá nhân tới đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định bằng văn bản;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định giao;

e) Trường hợp vắng mặt không tham gia các cuộc họp của Hội đồng thẩm định thì phải có báo cáo bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng thẩm định và gửi các ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản tới Hội đồng thẩm định.

6. Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên các Hội đồng thẩm định

1. Có tư cách đạo đức tốt; tâm huyết với sự nghiệp đổi mới chương trình.
2. Có năng lực hợp tác; biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến một cách tích cực và phản hồi mang tính xây dựng.
3. Trình độ được đào tạo từ đại học trở lên; chuyên môn giỏi, am hiểu về khoa học giáo dục và chương trình giáo dục phổ thông.
4. Đã tham gia xây dựng chương trình giáo dục phổ thông hoặc có ít nhất 5 (năm) năm trực tiếp giảng dạy ở cơ sở giáo dục phổ thông hoặc có đóng góp khác liên quan đến xây dựng, thực hiện chương trình.
5. Có đủ sức khỏe và thời gian tham gia thẩm định chương trình.
6. Người tham gia xây dựng chương trình thì không tham gia thẩm định chương trình.

Điều 11. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, khách quan, trung thực.
2. Hội đồng thẩm định chỉ họp khi có mặt Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, Thư ký và có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định với cơ cấu thành phần đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này. Trong các cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải có sự tham gia của đại diện đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định.
3. Các thành viên vắng mặt không được tham gia biểu quyết nhưng phải gửi ý kiến của mình bằng văn bản đựng trong phong bì được niêm phong hoặc gửi qua thư điện tử cho người chủ trì cuộc họp. Những thành viên vắng mặt 1 cuộc họp của Hội đồng thẩm định mà không gửi ý kiến của mình hoặc vắng mặt 2 cuộc họp của Hội đồng thẩm định bị miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng thẩm định.
4. Kết quả mỗi cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải có chữ ký của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Thư ký Hội đồng thẩm định, đại diện đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định.
5. Trong quá trình thẩm định, nếu nảy sinh các vấn đề cần tham khảo thêm ý kiến chuyên môn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thì Hội đồng thẩm định đề xuất với đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định để liên hệ và làm các thủ tục cần thiết để đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định.
6. Chủ tịch Hội đồng thẩm định trực tiếp hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định chương trình

1. Vụ Giáo dục Trung học và Vụ Giáo dục Tiểu học là đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định chương trình.

2. Nhiệm vụ của đơn vị chủ trì thẩm định chương trình:

a) Tổ chức thẩm định chương trình và trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc ban hành chương trình;

b) Lưu giữ bản thảo, biên bản các cuộc họp của Hội đồng thẩm định và các tài liệu liên quan trong quá trình tổ chức thẩm định và bàn giao cho bộ phận lưu trữ của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi Hội đồng thẩm định hoàn thành nhiệm vụ;

c) Phối hợp với các đơn vị, cá nhân liên quan chuẩn bị các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ các hoạt động của Hội đồng thẩm định.

Điều 13. Quy trình thẩm định chương trình

1. Thành viên Hội đồng thẩm định đọc thẩm định

a) Chậm nhất 15 ngày trước phiên họp đầu tiên của Hội đồng thẩm định, bản thảo được gửi cho các thành viên Hội đồng thẩm định;

b) Thành viên Hội đồng thẩm định đọc, nghiên cứu bản thảo và ghi nhận xét về bản thảo theo từng tiêu chí quy định tại Điều 4 Thông tư này (đối với chương trình tổng thể) hoặc Điều 5 Thông tư này (đối với chương trình môn học).

2. Họp Hội đồng thẩm định tiến hành thảo luận chung về bản thảo theo từng tiêu chí quy định tại Điều 4 hoặc Điều 5 Thông tư này.

Điều 14. Đánh giá, xếp loại bản thảo

1. Thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại bản thảo

a) Đánh giá và xếp loại bản thảo theo từng tiêu chí vào một trong ba loại: "Đạt", "Đạt nhưng cần sửa chữa", "Chưa đạt";

b) Đánh giá chung và xếp loại bản thảo vào một trong ba loại: "Đạt", "Đạt nhưng cần sửa chữa", "Chưa đạt":

- Bản thảo được xếp loại "Đạt" nếu tất cả tiêu chí đánh giá bản thảo đó đều xếp loại "Đạt";

- Bản thảo được xếp loại "Đạt nhưng cần sửa chữa" nếu tất cả tiêu chí đánh giá bản thảo đó được xếp loại "Đạt" hoặc loại "Đạt nhưng cần sửa chữa", trong đó Tiêu chí 1, Tiêu chí 2 đối với chương trình tổng thể và Tiêu chí 1, Tiêu chí 2 đối với chương trình môn học phải được xếp loại "Đạt";

-Bản thảo được xếp loại "Chưa đạt" đối với các trường hợp còn lại.

2. Hội đồng thẩm định đánh giá, xếp loại bản thảo và xử lý kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

Điều 15. Xử lý kết quả thẩm định

1.Nếu bản thảo được ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định tham gia biểu quyết xếp loại "Đạt" thì bản thảo được gửi cho cơ quan tổ chức thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

2.Nếu bản thảo được ít nhất 3/4 tổng số thành viên Hội đồng thẩm định tham gia biểu quyết xếp loại "Đạt" và loại "Đạt nhưng cần sửa chữa" thì bản thảo sẽ được chỉnh sửa trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định; bản thảo với những nội dung đã sửa hoặc bảo lưu, kèm theo ý kiến giải trình đối với nội dung bảo lưu, được chuyển đến Hội đồng thẩm định để thẩm định lần 2 đối với những nội dung đã sửa hoặc bảo lưu.

3.Trong các trường hợp còn lại, bản thảo phải xây dựng lại để tổ chức thẩm định, như thẩm định lần đầu.

BỘ TRƯỞNG

Phùng Xuân Nhạ